

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 22/GP-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên An Vũ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 510/TTr-STNMT ngày 22/6/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số 22/GP-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh để Công ty TNHH Một thành viên An Vũ được tiếp tục khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn với các nội dung sau:

1. Khối lượng tiếp tục khai thác: 45.225m³ cát.
2. Công suất khai thác: 11.000m³ cát/năm.
3. Mức sâu khai thác: không quá 02m so với mặt chuẩn trung bình độ dốc đáy sông tại đoạn khai thác.
4. Phương pháp khai thác: khai thác lộ thiên bằng xe cơ giới kết hợp thủ công.
5. Mục đích khai thác: phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng và dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định.
6. Thời hạn khai thác: 02 năm, kể từ ngày ký.

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên An Vũ có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí

có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 22/GP-UBND ngày 13/3/2018.

3. Nộp các khoản ngân sách cho Nhà nước và đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, yêu cầu.

4. Trước khi hoạt động khai thác Công ty phải thực hiện: Lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác, dự án khai thác cát, sỏi lòng sông với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát, sỏi.

5. Khai thác vào mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8 hàng năm. Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày (từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều) không được khai thác ban đêm.

6. Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi. Trong trường hợp Công ty không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi sau khai thác phải ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ kết quả khai thác và phát hiện mới về khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, đất đai sau khi giấy phép này hết hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 22/GP-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND phường Nhơn Hòa, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên An Vũ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HKKS miền Trung;
- Lưu VP, K4. *Phu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH



PHỤ LỤC SỐ 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC
(Kèm theo Giấy phép số **51** /GP-UBND ngày **26/6** /2020 của UBND tỉnh)

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°00, múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	1.534.206	589.680
2	1.534.172	589.812
3	1.534.158	589.086
4	1.534.084	589.950
5	1.534.115	589.796
6	1.534.193	589.666
Diện tích 2,2 ha		